



BẢN TIN PHÁP LÝ

SỐ 07 + 08 NĂM 2025



Quảng Ngãi, tháng 10 năm 2025



Mục lục	Trang
I. Văn bản mới ban hành/có hiệu lực	3
II. Điểm tin một số văn bản có tác động trực tiếp đến BSR	6
Luật số 93/2025/QH15 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	6
Luật số 67/2025/QH15 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	11
Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán	18
Nghị định 249/2025/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	21
Thông tư 09/2025/TT-BYT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 70 yếu tố hóa học tại nơi làm việc do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	24
III. Đánh giá tác động của các văn bản được điểm tin tại Mục II	27



VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH/CÓ HIỆU LỰC

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
I	Luật			
1	Luật số 67/2025/QH15 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	14/6/2025	01/10/2025	
2	Luật số 93/2025/QH15 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	27/6/2025	01/10/2025	
3	Luật số 96/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng	27/6/2025	15/10/2025	
II	Nghị định			
1	Nghị định 249/2025/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	19/09/2025	19/09/2025	
2	Nghị định 248/2025/NĐ-CP quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước	15/09/2025	15/09/2025	
3	Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán	11/09/2025	11/09/2025	
4	Nghị định 241/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 33/2022/NĐ-CP hướng dẫn Pháp lệnh Quản lý thị trường	10/09/2025	10/09/2025	
5	Nghị định 239/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật đầu tư	03/09/2025	03/09/2025	
6	Nghị định 211/2025/NĐ-CP quy định về hoạt động mật mã dân sự và sửa đổi Nghị định 15/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử được sửa đổi tại Nghị định 14/2022/NĐ-CP	25/07/2025	15/09/2025	
7	Nghị định 205/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ	14/07/2025	01/09/2025	
8	Nghị định 208/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn	17/07/2025	01/09/2025	



	hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập			
9	Nghị định 236/2025/NĐ-CP hướng dẫn Nghị quyết 107/2023/QH15 về áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu	29/8/2025	15/10/2025	
10	Nghị định 213/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự	30/07/2025	15/09/2025	
11	Nghị định 242/2025/NĐ-CP quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài	10/09/2025	10/09/2025	
12	Nghị định 243/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư	11/09/2025	11/09/2025	
13	Nghị định 250/2025/NĐ-CP hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự	22/09/2025	22/09/2025	
14	Nghị định 254/2025/NĐ-CP quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công	26/09/2025	26/09/2025	
III	Thông tư			
1	Thông tư 09/2025/TT-BYT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 70 yếu tố hóa học tại nơi làm việc do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	28/04/2025	01/10/2025	
2	Thông tư 81/2025/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại	13/8/2025	01/10/2025	
3	Thông tư 83/2025/TT-BTC bãi bỏ Thông tư 138/2012/TT-BTC hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty Nhà nước	15/8/2025	01/10/2025	
4	Thông tư 82/2025/TT-BTC bãi bỏ các Thông tư của Bộ Tài chính: Thông tư 155/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận của	15/08/2025	01/10/2025	



	công ty nhà nước theo quy định tại Nghị định 09/2009/NĐ-CP			
5	Thông tư 53/2025/TT-BNNMT về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ	27/08/2025	26/02/2026	
6	Thông tư 86/2025/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh	28/8/2025	12/10/2025	
7	Thông tư 24/2025/TT-BXD hướng dẫn thông tin chi tiết trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành	29/08/2025	15/10/2025	
8	Thông tư 52/2025/TT-BNNMT quy định kỹ thuật quan trắc tài nguyên nước và cảnh báo, dự báo nguồn nước do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành	25/08/2025	10/10/2025	
IV	Văn bản khác			
1	Quyết định 1630/QĐ-TTg về việc Ban hành Danh mục bí mật nhà nước của Đảng	30/07/2025	30/07/2025	
2	Quy định 350-QĐ/TW quy định về Đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị	29/08/2025	29/08/2025	
3	Nghị quyết 73-NQ/TW Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII	08/10/2025	08/10/2025	
4	Quyết định 2138/QĐ-TTg năm 2025 về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật sửa đổi	27/09/2025	27/09/2025	
5	Quyết định 3364/QĐ-BTC công bố Thông tư 36/2021/TT-BTC hướng dẫn nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP; 32/2018/NĐ-CP; 121/2020/NĐ-CP và 40/2020/NĐ-CP (được sửa đổi Thông tư 16/2023/TT-BTC) tiếp tục có hiệu lực	03/10/2025	03/10/2025	



DIỄN TIN MỘT SỐ VĂN BẢN CÓ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP ĐẾN BSR

LUẬT KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO SỐ 93/2025/QH15

- Ngày ban hành: 27/06/2025
- Ngày có hiệu lực: 01/10/2025

Luật gồm VII chương với 73 điều quy định một số nội dung như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1):

Luật này quy định về hoạt động của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; các biện pháp bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo;

2. Đối tượng áp dụng (Điều 2):

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Giải thích từ ngữ (Điều 3)

- Khoa học là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.
- Công nghệ là tập hợp các giải pháp kỹ thuật, quy trình, công cụ, bao gồm cả bí quyết, được tạo ra bởi ứng dụng tri thức khoa học, kinh nghiệm để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.
- Đổi mới sáng tạo là hoạt động tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh mới hoặc cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh đã có.

4. Nguyên tắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Điều 5)

- Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và dự báo xu hướng phát triển; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; lấy con người làm trung tâm, tôn trọng quyền con người.

- Nghiên cứu trong lĩnh vực y tế, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo và lĩnh vực khác liên quan trực tiếp đến con người phải bảo đảm tuân thủ quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và bảo đảm việc phát triển, ứng dụng công nghệ luôn đặt dưới sự giám sát, kiểm soát của con người.

- Bảo đảm quyền tự do nghiên cứu và sáng tạo; đề cao, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu chuyên môn, tính trung thực, khách quan và tinh thần trách nhiệm trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Phát triển hệ thống tiêu chuẩn làm nền tảng thiết lập chuẩn mực trình độ công nghệ, định hướng nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ, tạo cơ sở cho việc ngăn chặn, loại bỏ công nghệ lạc hậu, công nghệ ảnh hưởng xấu đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, sức khỏe con người; hỗ trợ đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo.

- Nhà nước quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chủ yếu theo nguyên tắc hậu kiểm, tập trung đánh giá kết quả thực hiện, không can thiệp vào phương pháp, quy trình thực hiện; bảo đảm quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân. Trường hợp cần thiết, được áp dụng nguyên tắc tiền kiểm nhưng bảo đảm không gây cản trở hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Điều 9)

- Rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được chấp nhận theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; bảo đảm có biện pháp quản trị rủi ro phù hợp.



- Rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:

+ Rủi ro trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật này;

+ Rủi ro trong thử nghiệm có kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Luật này;

+ Rủi ro trong đầu tư mạo hiểm thực hiện theo quy định tại Điều 40 của Luật này;

+ Rủi ro khác theo quy định của Chính phủ.

- Việc chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định như sau:

+ Tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được loại trừ trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước nếu đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định trong quá trình triển khai thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và không có hành vi gian lận, cố ý vi phạm pháp luật, không sử dụng sai mục tiêu, phạm vi kinh phí;

+ Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước, kinh phí hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập, kinh phí của doanh nghiệp nhà nước không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng đúng mục tiêu, phạm vi nếu đã tuân thủ đầy đủ quy định quản lý nhiệm vụ, quy trình thực hiện, nội dung nghiên cứu, biện pháp phòng ngừa rủi ro nhưng kết quả của nhiệm vụ không đạt được mục tiêu đề ra;

+ Tổ chức, cá nhân phê duyệt và quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước, kinh phí hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc kinh phí của doanh nghiệp nhà nước được loại trừ trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm dân sự nếu đã tuân thủ đầy đủ quy định, quy trình về phê duyệt, quản lý nhiệm vụ và không có hành vi vi phạm pháp

luật nhưng kết quả của nhiệm vụ không đạt được mục tiêu đề ra;

+ Loại trừ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự đối với rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định tiêu chí xác định rủi ro được chấp nhận, quy trình đánh giá việc tuân thủ quy trình, quy định trong phê duyệt, quản lý, thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 14):

- Cản trở, gây khó khăn cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào việc đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ, đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc hành vi khác can thiệp trái pháp luật vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân.

- Lợi dụng hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

+ Xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

+ Truyền bá thông tin sai sự thật, xuyên tạc kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

+ Chiếm đoạt, sử dụng trái phép kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân khác hoặc hành vi khác xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

- Cố ý không tuân thủ quy định trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc cố ý che giấu rủi ro khi thực hiện nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng công nghệ gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài nguyên, môi trường, đa dạng sinh học, sức khỏe cộng đồng.

- Tiết lộ hoặc sử dụng trái phép dữ liệu nhạy cảm thu thập trong quá trình nghiên cứu và



phát triển, gây ảnh hưởng đến quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình hoặc an ninh quốc gia.

7. Các quy định về biện pháp quản lý của nhà nước trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Được quy định tại Chương II, từ Điều 15 đến Điều 28.

8. Khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp (Điều 35):

- Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động này.

- Chi phí của doanh nghiệp tài trợ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, khoản chi cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí thực tế của hoạt động này theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

9. Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Được quy định tại Chương V, từ Điều 42 đến Điều 67.

10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp (Điều 66):

- Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được phép trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được nhận khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng cho hợp pháp của tổ chức, cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ của quỹ.

- Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động sau đây:

+ Trực tiếp thực hiện, đặt hàng hoặc thuê thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

+ Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; nghiên cứu, xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ;

+ Tổ chức nghiên cứu, thuê nghiên cứu tại nước ngoài không phải thông qua dự án đầu tư;

+ Thực hiện mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp chỉ được sử dụng tối đa 5% thu nhập tính thuế hằng năm cho nội dung quy định tại điểm này;

+ Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này.

- Ngoài nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp nhà nước được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện dự án trọng điểm, dự án phát triển công nghệ chiến lược theo cơ chế đặc biệt quy định tại Điều 31 của Luật này.

- Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

- Việc sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện mua, sáp nhập, đầu tư, cùng đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

+ Bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, quản lý rủi ro tài chính, phòng ngừa xung đột lợi ích;

+ Hiệu quả đầu tư được xem xét trên cơ sở đánh giá tổng thể, trong dài hạn, không áp dụng yêu cầu bảo toàn vốn hằng năm và không áp dụng đánh giá theo từng dự án, nhiệm vụ cụ thể;

+ Tổng mức đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo không vượt quá ngưỡng rủi



ro đã được phê duyệt trong kế hoạch đầu tư của quỹ, được xác định trên cơ sở tổng thể danh mục đầu tư hoặc trong một chu kỳ đầu tư xác định;

+ Có cơ chế theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả đầu tư, kịp thời xử lý rủi ro, tổn thất nếu có phát sinh.

- Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp, cá nhân quản lý, sử dụng quỹ được miễn trách nhiệm dân sự, loại trừ trách nhiệm hành chính liên quan đến tổn thất đầu tư khi thực hiện hoạt động đầu tư quy định tại khoản 5 Điều này trong trường hợp phát sinh tổn thất mặc dù đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan trong quá trình thực hiện đầu tư và công khai, minh bạch, trung thực trong quá trình ra quyết định đầu tư.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

11. Hội nhập và hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Được quy định tại Chương VI, từ Điều 68 đến Điều 70.

12. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của các luật, nghị quyết có liên quan

- Bổ sung Điều 6a vào sau Điều 6 của Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 67/2014/QH13 và Luật số 71/2025/QH15 như sau:

“Điều 6a. Công nghệ chiến lược

1. Công nghệ chiến lược là công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và đáp ứng một trong các điều kiện hoặc tạo ra sự phát triển đột phá, phát triển chất lượng cao về kinh tế - xã hội hoặc đóng vai trò nền tảng cho các ngành công nghiệp, dịch vụ hoặc có tầm quan trọng chiến lược đối với quốc phòng, an ninh.

2. Sản phẩm công nghệ chiến lược là sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, được hình thành từ công nghệ chiến lược. Sản phẩm công nghệ chiến lược đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Có tỷ lệ nội địa hóa cao trong cơ cấu giá trị sản phẩm;

b) Đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế dựa trên các yếu tố về vốn, lao động và năng suất tổng hợp;

c) Có tác động lan tỏa, tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội hoặc quốc phòng, an ninh.

3. Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược.

4. Nhà nước dành một tỷ lệ ngân sách nhà nước bảo đảm chi cho các hoạt động công nghệ chiến lược, bao gồm cả chương trình khoa học và công nghệ phát triển công nghệ chiến lược.”.

- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15 như sau:

+ Bổ sung Điều 21a vào sau Điều 21 trong Chương II như sau:

“Điều 21a. Thẩm định, chuyển giao công nghệ trong trường hợp đặc thù

1. Thẩm định công nghệ trong trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định công nghệ do mình nghiên cứu tạo ra hoặc công nghệ do mình đầu tư nhằm ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh.

2. Trong gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế để thực hiện dự án quan trọng quốc gia, hồ sơ mời thầu phải có điều kiện cam kết của tổng thầu, nhà thầu nước ngoài về việc chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam. Việc chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định của Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”;

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

“Điều 38. Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia

Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia thực hiện theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.”;

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 39 như sau:



“3. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam; tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, giải mã công nghệ, đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp;”;

+ Bổ cụm từ “Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia,” tại khoản 3 Điều 35;

đ) Bổ cụm từ “Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia,” tại khoản 5 Điều 35.

3. Bổ sung các khoản 18, 19, 20 vào sau khoản 17 Điều 4 của Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo các luật như sau:

“18. Thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

19. Thu nhập từ quyền tác giả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi kết quả nhiệm vụ được thương mại hóa theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về sở hữu trí tuệ.

20. Thu nhập của nhà đầu tư cá nhân, chuyên gia làm việc cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, sáng lập viên doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân góp vốn vào quỹ đầu tư mạo hiểm.”.

- Bổ sung điểm m vào sau điểm l khoản 1 Điều 157 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15 và Luật số 84/2025/QH15 như sau:

“m) Sử dụng đất để xây dựng phòng thí nghiệm, đất xây dựng cơ sở ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đất xây dựng cơ sở thực nghiệm, đất xây dựng cơ sở sản xuất thử nghiệm, đất xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng dùng chung để hỗ trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh

niệp khoa học và công nghệ; tổ chức khoa học và công nghệ; trung tâm nghiên cứu và phát triển; trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh.”.

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 83a của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo các luật như sau:

“b) Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, trừ trường hợp thiết kế xây dựng có giải pháp thiết kế, công nghệ là kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và phải bảo đảm không làm thay đổi về công năng sử dụng công trình và mục tiêu đầu tư của dự án;”.

- Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo các luật như sau:

+ Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 86 như sau:

“b) Tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất cho tác giả dưới hình thức giao việc, thuê việc, tổ chức, cá nhân được giao quản lý nguồn gen cung cấp nguồn gen, tri thức truyền thống về nguồn gen theo hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.”;

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 135 như sau:

“1. Chủ sở hữu sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả theo thỏa thuận; trường hợp không có thỏa thuận thì mức thù lao trả cho tác giả quy định như sau:

a) Trường hợp chủ sở hữu tự mình sử dụng đối tượng này trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, 10% lợi nhuận trước thuế thu được tương ứng với giá trị mà sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí đóng góp vào sản



phẩm, dịch vụ hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí đó;

b) Trường hợp chủ sở hữu chuyển giao quyền sử dụng các đối tượng này, 15% tổng số tiền mà chủ sở hữu nhận được trong mỗi lần nhận tiền thanh toán từ việc chuyển giao trước khi nộp thuế theo quy định.”;

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 135 như sau:

“3. Trong trường hợp sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí có đồng tác giả, mức thù lao theo quy định tại khoản 1 Điều này là mức dành cho các đồng tác giả. Các đồng tác giả tự thỏa thuận việc phân chia số tiền thù lao do chủ sở hữu chi trả.”;

+ Bỏ cụm từ “, Điều 86a” tại khoản 3 Điều 60, khoản 4 Điều 65 và khoản 2 Điều 71;

+ Bãi bỏ Điều 86a, Điều 133a, khoản 2 Điều 135, Điều 136a, khoản 6 Điều 139, khoản 3 và khoản 4 Điều 164, khoản 2 Điều

191, Điều 191a, Điều 191b, khoản 4 Điều 194.

- Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 45 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo các luật như sau:

“e) Tổng công trình sư theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhân tài có đóng góp quan trọng cho quốc gia được cấp có thẩm quyền công nhận theo quy định khác của pháp luật có liên quan;”.

- Bãi bỏ các điều 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 của Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Toàn văn bản đã được đăng tải tại [P:\06.Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\ Luat Khoa hoc cong nghe va doi moi sang tao](#)

LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SỐ 67/2025/QH15

- Ngày ban hành: 14/06/2024

- Ngày có hiệu lực: 01/10/2024

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp gồm IV Chương với 20 Điều quy định một số nội dung như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1):

Luật này quy định về người nộp thuế, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Người nộp thuế (Điều 2):

- Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật này (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm:

+ Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;

+ Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp nước ngoài) có cơ sở thường trú hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã;

+ Đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;

+ Tổ chức khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập.

- Doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:



+ Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam và thu nhập chịu thuế phát sinh ngoài Việt Nam;

+ Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam và thu nhập chịu thuế phát sinh ngoài Việt Nam liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú đó;

+ Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam mà khoản thu nhập này không liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú;

+ Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, bao gồm cả các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số, nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam.

- Cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài là cơ sở sản xuất, kinh doanh mà thông qua cơ sở này, doanh nghiệp nước ngoài tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, bao gồm:

+ Chi nhánh, văn phòng điều hành, nhà máy, công xưởng, phương tiện vận tải, mỏ dầu, mỏ khí, mỏ hoặc địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên khác tại Việt Nam;

+ Địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp đặt, lắp ráp;

+ Cơ sở cung cấp dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn thông qua người làm công hoặc tổ chức, cá nhân khác;

+ Đại lý cho doanh nghiệp nước ngoài;

+ Đại diện tại Việt Nam trong trường hợp là đại diện có thẩm quyền ký kết hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài hoặc đại diện không có thẩm quyền ký kết hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài nhưng thường xuyên thực hiện việc giao hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ tại Việt Nam;

+ Nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số mà thông qua đó doanh nghiệp nước ngoài

tiến hành cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

3. Thu nhập chịu thuế (Điều 3)

- Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật này.

- Thu nhập khác bao gồm:

+ Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn, chuyển nhượng chứng khoán;

+ Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, trừ thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản;

+ Thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản;

+ Thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản, trong đó có các loại giấy tờ có giá, trừ bất động sản;

+ Thu nhập từ quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản, bao gồm cả thu nhập từ quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ;

+ Thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn, bán ngoại tệ, trừ thu nhập từ hoạt động tín dụng của tổ chức tín dụng;

+ Khoản trích trước vào chi phí nhưng không sử dụng hoặc sử dụng không hết mà doanh nghiệp không hạch toán điều chỉnh giảm chi phí được trừ; khoản nợ khó đòi đã xóa nay đòi được; khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ; khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót nay phát hiện ra;

+ Chênh lệch giữa thu về tiền phạt, tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế hoặc thưởng do thực hiện tốt cam kết theo hợp đồng;

+ Các khoản tài trợ, tặng cho bằng tiền hoặc hiện vật nhận được;

+ Chênh lệch do đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật để góp vốn, điều chuyển khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển



đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

- + Thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- + Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở nước ngoài;
- + Thu nhập của đơn vị sự nghiệp công lập đối với các hoạt động cho thuê tài sản công;
- + Các khoản thu nhập khác, trừ các khoản thu nhập được miễn thuế quy định tại Điều 4 của Luật này.

- Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 2 của Luật này là thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh.

- Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ở nước ngoài có phát sinh thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại nước ngoài trong kỳ tính thuế được trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định của nước tiếp nhận đầu tư vào số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ở Việt Nam, nhưng không được vượt quá số thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam.

- Doanh nghiệp phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR) theo quy định của pháp luật thì thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung phải nộp được trừ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại Việt Nam theo quy định của Luật này.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

4. Thu nhập được miễn thuế (Điều 4):

- Thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản; thu nhập của doanh nghiệp từ sản xuất sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản (kể cả trường hợp mua sản phẩm nông sản, thủy sản về chế biến) ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã từ sản xuất sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy

sản (kể cả trường hợp mua sản phẩm nông sản, thủy sản về chế biến), sản xuất muối.

- Thu nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp.

- Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; thu nhập từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở Việt Nam; thu nhập từ bán sản phẩm sản xuất thử nghiệm trong thời gian sản xuất thử nghiệm bao gồm cả sản xuất thử nghiệm có kiểm soát theo quy định của pháp luật. Thu nhập tại khoản này được miễn thuế tối đa không quá 03 năm.

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp có từ 30% số lao động bình quân trong năm trở lên là người khuyết tật, người sau cai nghiện ma túy, người nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) và có số lao động bình quân trong năm từ 20 người trở lên, không bao gồm doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh bất động sản.

- Thu nhập từ hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, đối tượng tệ nạn xã hội.

- Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp trong nước, sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật này, kể cả trường hợp bên nhận góp vốn, phát hành cổ phiếu, bên liên doanh, liên kết được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam; khoản tài trợ nhận được từ doanh



nghiệp không có quan hệ liên kết, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để sử dụng cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; khoản hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước và từ Quỹ hỗ trợ đầu tư do Chính phủ thành lập; khoản bồi thường của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trường hợp khoản tài trợ nhận được tại khoản này mà doanh nghiệp sử dụng không đúng mục đích thì bị truy thu thuế và xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật để cổ phần hóa, sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, chuyển nhượng tín chỉ các-bon lần đầu sau khi phát hành của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các-bon; thu nhập từ tiền lãi trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành.

- Thu nhập (bao gồm cả lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu Chính phủ, lãi tín phiếu kho bạc) từ thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao trong các trường hợp sau đây:

+ Thu nhập của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng xuất khẩu;

+ Thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội từ hoạt động tín dụng cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

+ Thu nhập của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

+ Thu nhập từ hoạt động có thu của các quỹ tài chính nhà nước và quỹ, tổ chức khác của Nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định hoặc quyết định.

- Phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hóa khác để đầu tư phát triển cơ sở đó đáp ứng tỷ lệ tối thiểu do Chính phủ quy định; phần thu

nhập hình thành quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hợp tác xã.

- Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Thu nhập của đơn vị sự nghiệp công lập từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, bao gồm:

+ Dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

+ Dịch vụ sự nghiệp công mà Nhà nước phải hỗ trợ, đảm bảo kinh phí hoạt động do chưa tính đủ chi phí cung cấp dịch vụ trong giá dịch vụ;

+ Dịch vụ sự nghiệp công tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Xác định thu nhập tính thuế (Điều 7):

1. Thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế được xác định như sau:

Thu nhập tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	-	Thu nhập được miễn thuế	+	Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định
-----------------------------	---	-----------------------------	---	-------------------------------------	---	--

2. Thu nhập chịu thuế quy định tại khoản 1 Điều này được xác định như sau:

Thu nhập chịu thuế	=	Doanh thu	-	Các khoản chi được trừ	+	Các thu nhập khác (kể cả thu nhập được ở ngoài Việt Nam)
-----------------------------	---	--------------	---	------------------------------------	---	--

3. Doanh nghiệp có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế thì thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh là tổng thu nhập của tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trường hợp có hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ thì được bù trừ số lỗ vào thu nhập chịu thuế của các



hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn (trừ thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư không bù trừ với thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế). Phần thu nhập còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất, kinh doanh còn thu nhập.

4. Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải xác định riêng để kê khai nộp thuế, không được bù trừ lẫn nhau với hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế.

6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế (Điều 9):

- Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

+ Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả khoản chi phí bổ sung được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp;

+ Khoản chi thực tế phát sinh khác, bao gồm theo điểm b khoản 1 Điều 9 của Luật này;

+ Các khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp đặc thù theo quy định của Chính phủ.

- Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:

+ Khoản chi không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

+ Khoản tiền phạt do vi phạm hành chính;

+ Khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác;

+ Phần chi vượt mức do Chính phủ quy định đối với: chi phí quản lý kinh doanh do doanh nghiệp nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam; chi phí thuê quản lý hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh casino; chi trả lãi tiền vay của doanh nghiệp có giao dịch liên kết; chi có tính chất phúc lợi trực tiếp cho người lao động; khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động;

+ Phần trích lập không đúng hoặc vượt mức theo quy định của pháp luật về trích lập dự phòng;

+ Khoản trích khấu hao tài sản cố định không đúng hoặc vượt mức quy định của pháp luật;

+ Khoản trích trước vào chi phí không đúng quy định của pháp luật;

+ Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ; thù lao trả cho sáng lập viên doanh nghiệp không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh; tiền lương, tiền công, các khoản hạch toán chi khác để chi trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả hoặc không có hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;

+ Phần chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ còn thiếu; lãi tiền vay trong quá trình đầu tư đã được ghi nhận vào giá trị đầu tư; lãi vay để triển khai thực hiện các hợp đồng tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí; phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng vượt mức theo quy định của Bộ luật Dân sự;

+ Phần chi phí được phép thu hồi vượt quá tỷ lệ quy định tại hợp đồng dầu khí được duyệt; trường hợp hợp đồng dầu khí không quy định về tỷ lệ thu hồi chi phí thì phần chi



phí vượt trên mức do Chính phủ quy định không được tính vào chi phí được trừ;

+ Phần thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ; thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ; thuế giá trị gia tăng đầu vào của phần giá trị xe ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống vượt mức do Chính phủ quy định; thuế thu nhập doanh nghiệp; các khoản thuế, phí, lệ phí, thu khác không được tính vào chi phí theo quy định của pháp luật và tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Phần thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ quy định tại điểm này không bao gồm phần thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đầu vào có liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp chưa được khấu trừ hết nhưng không thuộc trường hợp hoàn thuế.

Số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi đã được tính vào chi phí được trừ thì không được khấu trừ với số thuế giá trị gia tăng đầu ra;

+ Khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế, trừ các khoản chi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; khoản chi không đáp ứng điều kiện chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

+ Khoản tài trợ, trừ khoản tài trợ quy định tại tiêu điểm b5 điểm b khoản 1 Điều này;

+ Chi về đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn đầu tư để hình thành tài sản cố định; chi liên quan trực tiếp đến việc tăng, giảm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp;

+ Các khoản chi của hoạt động kinh doanh: ngân hàng, bảo hiểm, xổ số, chứng khoán, hợp đồng BT, BOT, BTO không đúng hoặc vượt mức quy định của pháp luật;

+ Các khoản chi khác.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này, bao gồm cả mức chi bổ sung, điều kiện, thời gian và phạm vi áp dụng đối với khoản chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Bộ Tài chính quy định hồ sơ của khoản chi được tính vào chi phí được trừ quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

7. Thuế suất (Điều 10):

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này và đối tượng được ưu đãi về thuế suất quy định tại Điều 13 của Luật này.

- Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.

- Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.

Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 15% và 17% quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này là tổng doanh thu của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp trước liền kề. Việc xác định tổng doanh thu làm căn cứ áp dụng thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số trường hợp khác được quy định như sau:

+ Đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí từ 25% đến 50%. Căn cứ vào vị trí, điều kiện khai thác và trữ lượng mỏ, Thủ tướng Chính phủ quyết định mức thuế suất cụ thể phù hợp với từng hợp đồng dầu khí;

+ Đối với hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên quý hiếm (bao gồm: bạch kim, vàng, bạc, thiếc, vonfram, antimon, đá quý, đất hiếm và tài nguyên quý hiếm khác theo quy định của pháp luật) là 50%. Trường hợp các mỏ có từ 70% diện tích được giao trở lên ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuế suất là 40%.

8. Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Điều 17):

- Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.



- Trong thời hạn 05 năm kể từ khi trích lập theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích thì doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để tính số thuế thu hồi là thuế suất áp dụng cho doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp trong thời gian trích lập quỹ.

Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần quỹ không sử dụng hết là lãi suất trái phiếu kho bạc loại kỳ hạn 05 năm hoặc kỳ hạn 10 năm (trong trường hợp không có loại kỳ hạn 05 năm) phát hành gần thời điểm thu hồi nhất và thời gian tính lãi là 02 năm.

Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần quỹ sử dụng sai mục đích là mức tính tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế và thời gian tính lãi là khoảng thời gian kể từ khi trích lập quỹ đến khi thu hồi.

- Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp không được hạch toán các khoản chi từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.

- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Doanh nghiệp đang hoạt động mà có thay đổi do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì doanh nghiệp mới thành lập,

doanh nghiệp nhận sáp nhập từ việc sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp được kế thừa và chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp trước khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi.

9. Điều khoản chuyển tiếp (Điều 20):

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm cấp phép hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, trường hợp pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp có sửa đổi, bổ sung mà doanh nghiệp đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung thì doanh nghiệp được quyền lựa chọn hưởng ưu đãi về thuế suất và về thời gian miễn thuế, giảm thuế theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp phép, cấp Giấy chứng nhận đầu tư, được phép đầu tư hoặc theo quy định của pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung cho thời gian còn lại.

- Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư mà không thuộc diện được hưởng ưu đãi theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành nhưng thuộc diện hưởng ưu đãi theo quy định của Luật này thì được áp dụng ưu đãi theo quy định của Luật này cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2025.

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại [P:\06.Document\System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat Thue](#)



**NGHỊ ĐỊNH 245/2025/NĐ-CP SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 155/2020/NĐ-CP HƯỚNG
DẪN LUẬT CHỨNG KHOÁN**

- Ngày ban hành: 11/09/2025
- Ngày có hiệu lực: 11/09/2025

Một số quy định của Nghị định như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

- Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 như sau:

+ Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 12 Điều 3 như sau:

"h) Ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi là ngày được tổ chức phát hành xác định để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu."

+ Sửa đổi điểm c khoản 14 Điều 3, bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 14 Điều 3 như sau:

"c) Đối với trường hợp mua lại doanh nghiệp, bán tài sản, tỷ lệ này được tính bằng giá trị từng giao dịch so với tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất. Trường hợp thực hiện nhiều giao dịch để mua lại một doanh nghiệp hoặc thực hiện mua lại nhiều doanh nghiệp mà các doanh nghiệp được mua lại thuộc nhóm công ty mẹ - công ty con thì tỷ lệ này được tính bằng tổng giá trị các giao dịch phát sinh trong năm cơ cấu lại doanh nghiệp so với tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp;

d) Chỉ tiêu "tổng giá trị tài sản" quy định tại các điểm a, b, c khoản này được căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; trường hợp doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp; trường hợp doanh nghiệp là công ty mẹ, căn cứ trên chỉ tiêu "tổng giá trị tài sản" có giá trị thấp hơn trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất."

+ Bổ sung khoản 57 vào sau khoản 56 Điều 3 như sau:

"57. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập bao gồm:

a) Tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's, Standard & Poor's, Fitch Ratings;

b) Các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh."

+ Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 5 như sau:

"b) Đối với các tổ chức khác không phải tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác; báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán, hoặc báo cáo tài chính bán niên được soát xét, hoặc bảng cân đối kế toán gần nhất được kiểm toán đối với trường hợp xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong năm hoàn thành việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp."

2. Bổ sung các khoản 6, 7, 8 vào sau khoản 5 Điều 5

"6. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân: Văn bản xác nhận mã số giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc giấy tờ xác thực cá nhân hợp pháp khác có thông tin về quốc tịch nước ngoài.

7. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tài liệu xác định là một trong các tài liệu sau:

a) Văn bản xác nhận mã số giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư;

b) Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương xác nhận đã hoàn tất việc đăng ký kinh doanh do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp;



c) Giấy đăng ký thuê của cơ quan thuế nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;

d) Tài liệu về tổ chức từ hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài, trong đó xác định tổ chức được thành lập tại nước đó;

đ) Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đầu tư hoặc xác nhận việc đăng ký thành lập hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp (nếu có) hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch hoặc hợp đồng tín thác hoặc biên bản thỏa thuận góp vốn hoặc các văn bản tương đương trong trường hợp cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài không cấp hoặc không xác nhận việc đăng ký thành lập quỹ đầu tư theo quy định của pháp luật nước ngoài.

8. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức thuộc Chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức tài chính quốc tế, tài liệu xác định theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều này, trong đó quy định tổ chức là tổ chức trực thuộc Chính phủ hoặc tổ chức tài chính quốc tế."

- Sửa đổi, bổ sung tên Điều 6; sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6 như sau:

+ Sửa đổi, bổ sung tên Điều 6 như sau:

"Điều 6. Quy định chung"

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6

"1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo như sau:

a) Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập, xác nhận, ký hồ sơ, tài liệu báo cáo liên quan đến hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch, đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và các hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán phải chịu trách nhiệm về hồ sơ, tài liệu báo cáo theo quy định pháp luật;

b) Tổ chức tư vấn hồ sơ, người hành nghề tham gia tư vấn hồ sơ có trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 11a Luật Chứng khoán. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao

dịch chứng khoán phải trực tiếp thực hiện các hoạt động tư vấn hồ sơ;

c) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên được chấp thuận, người ký báo cáo kiểm toán hoặc báo cáo soát xét hoặc báo cáo dịch vụ đảm bảo phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và các chuẩn mực nghề nghiệp có liên quan; chịu trách nhiệm đối với ý kiến về tính trung thực, hợp lý về báo cáo, số liệu được kiểm toán, soát xét, ý kiến về tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước;

d) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và tổ chức, cá nhân khác có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý, chấp thuận hồ sơ, tài liệu báo cáo xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, tài liệu báo cáo trên cơ sở hồ sơ, tài liệu báo cáo được cung cấp; không chịu trách nhiệm về những vi phạm của tổ chức, cá nhân xảy ra trước và sau khi nộp hồ sơ, tài liệu báo cáo hợp lệ."

- Bổ sung khoản 1a và khoản 1b vào sau khoản 1 Điều 6

"1a. Công ty đại chúng, tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch có trách nhiệm công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời; đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của nhà đầu tư đối với các quyết định liên quan đến chào bán, phát hành chứng khoán và các thông tin phải công bố công khai của doanh nghiệp theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; tuân thủ quy định về quản trị công ty, các nghĩa vụ theo cam kết, thỏa thuận giữa doanh nghiệp với cổ đông, nhà đầu tư theo Điều lệ công ty, các quy định pháp luật có liên quan.

1b. Nhà đầu tư tham gia đầu tư, giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán có trách nhiệm tiếp cận đầy đủ nội dung thông tin công bố của doanh nghiệp; tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch chứng khoán; hiểu



rõ và tuân thủ quy định về đầu tư, giao dịch trên thị trường chứng khoán."

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6

"2. Việc nộp và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này được thực hiện thông qua các cách thức theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia."

- Bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8 Điều 6:

"9. Khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định này thì thông tin về danh tính điện tử, thông tin tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử có giá trị chứng minh tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính."

- Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 7

"8. Điều kiện về hoạt động kinh doanh có lãi, nợ phải trả, lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được căn cứ trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp là công ty mẹ thì kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó: kết quả hoạt động kinh doanh là chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất; vốn chủ sở hữu không bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc không có tư cách

pháp nhân, kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp."

- Sửa đổi, bổ sung Điều 26

"Điều 26. Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng tại Việt Nam của tổ chức tài chính quốc tế

1. Tổ chức phát hành là tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật.

2. Trái phiếu chào bán là trái phiếu có kỳ hạn tối thiểu 05 năm.

3. Có phương án phát hành và phương án sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán để đầu tư cho các dự án tại Việt Nam hoặc đầu tư góp vốn, mua cổ phần, trái phiếu, cho vay lại các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

4. Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.

5. Tổ chức phát hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán.

6. Có cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu sau khi kết thúc đợt chào bán."

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại <P:\06.Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat Chung khoan\Nghị định>



NGHỊ ĐỊNH 249/2025 QUY ĐỊNH CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THU HÚT CHUYÊN GIA KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

- Ngày ban hành: 19/09/2025
- Ngày có hiệu lực: 19/09/2025

Một số quy định của Nghị định như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1):

- Nghị định này quy định cơ chế, chính sách thu hút, gồm: tiêu chí; quy trình tuyển chọn; quyền và nghĩa vụ; trách nhiệm; đánh giá; chính sách đối với chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Nghị định này không áp dụng đối với Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng quy định tại Nghị định số 231/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển chọn, sử dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, Tổng công trình sư quy định tại Nghị định số 103/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định một số chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, Cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt và chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt.

2. Đối tượng áp dụng (Điều 2):

- Cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đáp ứng tiêu chí chuyên gia quy định tại Nghị định này được đề cử, ứng cử, lựa chọn làm chuyên gia.
- Cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và địa phương, lực lượng vũ trang và doanh nghiệp được giao chủ trì thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khác có liên quan.

3. Tiêu chí tuyển chọn chuyên gia (Điều 3):

- Chuyên gia quy định tại Nghị định này là người có kiến thức, trình độ, kinh nghiệm nghiên cứu trong một hoặc nhiều lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều Điều 3 Nghị định này.
- Tiêu chí chung:
 - + Chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ưu tiên các ngành công nghệ chiến lược trong danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược do cấp có thẩm quyền ban hành, có đóng góp thiết thực cho sự phát triển của quốc gia, khu vực và quốc tế;
 - + Có lý lịch rõ ràng, có đạo đức tốt;
 - + Có mong muốn cống hiến cho sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Việt Nam.
- Đồng thời đáp ứng một trong các tiêu chí cụ thể sau đây:
 - + Là tác giả hoặc đồng tác giả sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã được ứng dụng, chuyển giao tạo ra sản phẩm có giá trị thực tiễn; hoặc có chuyên môn sâu, giàu kinh nghiệm trong ngành, lĩnh vực phù hợp với nhiệm vụ thực hiện tại Việt Nam và đang công tác tại bộ phận nghiên cứu của viện nghiên cứu, trường đại học hoặc doanh nghiệp uy tín ở nước ngoài;
 - + Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ xuất sắc, đã đạt giải thưởng quốc tế hoặc đã được ứng dụng rộng rãi mang lại hiệu quả thiết thực và phù hợp với chương trình, nhiệm vụ, dự án



khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dự kiến tham gia;

+ Có bằng tiến sĩ từ các trường đại học trong nhóm 200 đại học hàng đầu thế giới theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín và có thời gian tối thiểu 05 năm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ tại cơ sở nghiên cứu, đào tạo có uy tín ở nước ngoài thuộc chuyên ngành phù hợp với chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dự kiến tham gia;

+ Có bằng tiến sĩ và đã có ít nhất 05 năm làm việc tại vị trí nghiên cứu khoa học trong chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ hoặc trong bộ phận nghiên cứu của doanh nghiệp có uy tín ở nước ngoài;

+ Có tối thiểu 10 bài báo quốc tế đăng trên các tạp chí danh tiếng hoặc là thành viên hội đồng khoa học của các tạp chí uy tín hoặc tham gia hướng dẫn thành công ít nhất 02 nghiên cứu sinh tiến sĩ;

+ Trường hợp ứng viên không đáp ứng tiêu chí quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tuyển chọn chuyên gia quyết định việc tuyển chọn chuyên gia triển khai thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

4. Quy trình tuyển chọn chuyên gia (Điều 4):

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số công bố nhu cầu tuyển chọn chuyên gia, bao gồm: vị trí chuyên gia, yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chí, thời hạn tiếp nhận hồ sơ.

- Việc tuyển chọn chuyên gia đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 3 Nghị định này thực hiện theo cơ chế đề cử, ứng cử như sau:

+ Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tuyển chọn chuyên gia chủ động tìm kiếm, phát hiện ứng viên;

+ Cá nhân tự ứng cử;

+ Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài đề cử ứng viên;

+ Các cơ quan, tổ chức, chuyên gia trong và ngoài nước đề cử ứng viên.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đề cử và ứng viên tự ứng cử gửi hồ sơ đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tuyển chọn chuyên gia, thành phần hồ sơ gồm có:

+ Văn bản đề cử hoặc tự ứng cử;

+ Lý lịch khoa học (trong đó nêu rõ năng lực chuyên môn, kinh nghiệm, thành tích nổi bật) của ứng viên;

+ Dự thảo kế hoạch, đề án triển khai chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo yêu cầu của vị trí chuyên gia.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tuyển chọn chuyên gia kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp ứng viên đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 3 Nghị định này thì có thư mời ứng viên đến ký hợp đồng lao động; trường hợp cần thiết thì phỏng vấn trước khi ký hợp đồng lao động.

- Hợp đồng lao động có thời hạn đối với chuyên gia phải ghi rõ nội dung nhiệm vụ; thời hạn làm việc; cơ chế làm việc; quyền và nghĩa vụ; trách nhiệm; chế độ, chính sách; chấm dứt hợp đồng; cơ chế giải quyết tranh chấp (nếu có) và các nội dung khác có liên quan.

5. Tiền lương, tiền thưởng, điều kiện làm việc và chế độ phúc lợi đối với chuyên gia (Điều 8)

- Tiền lương được thỏa thuận trong hợp đồng lao động đối với chuyên gia, bảo đảm tương xứng với nhiệm vụ được giao và phù hợp với mặt bằng tiền lương trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tương ứng trên thị trường lao động.

- Tiền thưởng hằng năm do cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì thực hiện chương



trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quyết định trên cơ sở kết quả đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao, tối đa 04 tháng tiền lương ghi trong hợp đồng lao động.

- Tiền thưởng thu được từ việc cho thuê, bán, chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng, tự khai thác, sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi góp vốn, hợp tác, liên doanh, liên kết, kinh doanh dịch vụ hoặc thành lập doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Hỗ trợ ban đầu 01 tháng lương ghi trong hợp đồng lao động để ổn định chỗ ở, di chuyển, mua sắm thiết yếu.

- Được hỗ trợ tiền thuê nhà, phương tiện đi lại hoặc cung cấp căn hộ tiêu chuẩn, phương tiện đi lại trong thời gian làm chuyên gia.

- Được chi trả kinh phí đi nghiên cứu, trao đổi khoa học ở nước ngoài khi được cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cử theo yêu cầu nhiệm vụ.

- Chăm sóc y tế, nghỉ dưỡng và nghỉ phép trong năm:

+ Được cung cấp gói chăm sóc sức khỏe tự nguyện theo năm không quá 01% tiền lương một năm ghi trong hợp đồng lao động;

+ Hằng năm, được hưởng 07 ngày nghỉ dưỡng trong nước và được hỗ trợ kinh phí tối đa 01 tháng lương ghi trong hợp đồng lao động cho bản thân cùng thành viên gia đình (bao gồm vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi);

+ Được nghỉ phép theo quy định của pháp luật về lao động, được chi trả kinh phí vé máy bay khứ hồi 01 lần/năm cho chuyên gia

cùng thành viên gia đình (bao gồm vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi) về nước.

- Về tôn vinh, khen thưởng:

+ Được tôn vinh hoặc ghi nhận sự đóng góp của chuyên gia khi chính thức nhận nhiệm vụ tại Việt Nam và khi kết thúc và hoàn thành nhiệm vụ ghi trong hợp đồng lao động;

+ Được lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước gặp mặt, biểu dương, nghe báo cáo kiến nghị, đề xuất; được tham gia các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

+ Được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng; được nhận danh hiệu, giải thưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nước và nước ngoài, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

6. Kinh phí thực hiện (Điều 12):

Kinh phí chi trả chế độ, chính sách tại Nghị định này được bố trí trong kinh phí thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

7. Điều khoản áp dụng (Điều 13):

- Chuyên gia quy định tại Nghị định này thuộc đối tượng áp dụng quy định tại các văn bản khác có chế độ, chính sách thấp hơn chính sách quy định tại Nghị định này thì áp dụng chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này để thỏa thuận cho phù hợp.

- Chuyên gia quy định tại Nghị định này đủ điều kiện hưởng nhiều chế độ, chính sách quy định tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ, chính sách cao nhất.

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại [P:\06.Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat Khoa hoc cong nghe va Doi moi sang tao\Nghì định](#)



THÔNG TƯ 09/2025/TT-BYT NGÀY 28 THÁNG 04 NĂM 2025 BAN HÀNH
QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA - GIÁ TRỊ GIỚI HẠN TIẾP XÚC CHO
PHEP ĐỐI VỚI 70 YẾU TỐ HÓA HỌC TẠI NƠI LÀM VIỆC

- Ngày ban hành: 28/04/2025
- Ngày có hiệu lực: 01/10/2025

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 70 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, bao gồm: Acrolein; acrylamid; acrylonitril; amyl acetat; anhydrid phthalic; antimon; ANTU; asphalt (dạng khói); aceton cyanohydrin; acetonitril; acid formic; acid methacrylic; hydro nitrat; trihydro phosphat; acid picric; acid trichloroacetic; azinphos methyl; bạc và các hợp chất hòa tan; benomyl (bụi toàn phần); benzin; benzoyl peroxide; benzyl chloride; beryli và các hợp chất; brom; 1,3-butadien; n-butyl acetat; butyl acrylat; carbofuran; calci carbonat (bụi toàn phần); calci hydroxide (bụi toàn phần); calci oxide; calci silicat (bụi toàn phần); calci sulfat dihydrat (bụi toàn phần); calci cyanamid; caprolactam (dạng bụi); caprolactam (dạng hơi); captan; carbaryl; catechol; chì tetraethyl; chì và các hợp chất vô cơ; chloroacetaldehyd; chlor dioxide; chloroacetophenol; chlorobenzen; chloropren; cresol; crotonaldehyd; cumen; dầu khoáng (dạng sương); dầu mỡ (napthas); dầu thông; dầu thực vật (dạng sương-bụi toàn phần); dung môi Stoddard; đá talc (bụi hô hấp); đá talc (bụi toàn phần); demeton; diazinon; diboran; dibutyl phthalat; 1,1- dichloroethan; 1,1 - dichloroethylen; dichlorvos; dicrotophos; dimethylamin; dimethylformamid; 1,1 - dimethylhydrazin; dimethyl sulfat; dinitrobenzen; dinitrotoluen (DNT).

2. Công thức chuyển đổi nồng độ ppm (part per million) của chất phân tích (dạng hơi, khí) trong không khí ra nồng độ mg/m³

$$C \text{ (mg/m}^3\text{)} = \frac{\text{ppm} \times W_m}{24,45}$$

Trong đó:

- C (mg/m³): Nồng độ chất phân tích trong không khí tính bằng mg/m³.
- ppm: Nồng độ chất phân tích trong không khí có đơn vị đo là ppm.
- Wm: Trọng lượng phân tử chất phân tích.
- 24,45: Thể tích của một phân tử khí tính bằng lít ở điều kiện tiêu chuẩn (25°C, 1 atm).
- **Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc điều chỉnh cho thời lượng tiếp xúc quá 8 giờ/ngày**

Được quy định, tính theo công thức sau:

$$TWA_n = \frac{8}{h} \times \frac{(24 - h)}{16} \times TWA$$

Trong đó:

- TWA_n: Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc điều chỉnh cho thời lượng tiếp xúc quá 8 giờ/ngày làm việc (mg/m³).
- TWA: Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc 8 giờ/ngày (mg/m³) được quy định tại Bảng 1 (Mục 2.1, Phần II) tương ứng với từng loại hóa chất.
- h: Số giờ tiếp xúc thực tế trong 1 ngày (h > 8).
- **Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc điều chỉnh cho thời lượng tiếp xúc quá 40 giờ/tuần làm việc**

Được quy định, tính theo công thức sau:

$$TWA_t = \frac{40}{H} \times \frac{(168 - H)}{128} \times TWA$$



Trong đó:

- TWA_t : Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc điều chỉnh cho thời lượng tiếp xúc quá 40 giờ trong 1 tuần làm việc (mg/m^3).
- TWA : Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần làm việc (mg/m^3) được quy định tại Bảng 1 (Mục 2.1, Phần II) tương ứng với từng loại hóa chất.
- H : Số giờ tiếp xúc thực tế ($H > 40$) trong 1 tuần làm việc.

- Cách tính giá trị tiếp xúc ca làm việc thực tế

+ Tính giá trị tiếp xúc ca làm việc khi tổng thời lượng đo tương đương tổng thời lượng tiếp xúc

Giá trị tiếp xúc ca làm việc được tính theo công thức sau :

$$TWAtt = (C1 .T1 + C2.T2 +...+ Cn.Tn) : T$$

Trong đó:

- $TWAtt$: Giá trị tiếp xúc ca làm việc thực tế (mg/m^3).
- $C1$; $C2$;...; Cn : Nồng độ thực tế (mg/m^3) tương ứng với thời lượng đo $T1$; $T2$;...; Tn (phút).
- + Đo, lấy mẫu có thể tiến hành một lần với thời lượng đo kéo dài bằng thời gian tiếp xúc trong ca làm việc nếu nồng độ hóa chất thấp.
- + Đo, lấy mẫu có thể chia nhiều lần (2,3,4,..., n lần), thời lượng đo mỗi lần có thể khác nhau tùy thuộc vào nồng độ yếu tố hóa học để tránh quá tải trên giấy lọc hoặc công cụ lấy mẫu nhưng tổng thời lượng đo bằng tổng thời lượng tiếp xúc.
- T : Tổng thời lượng tiếp xúc (tính theo phút).
- + Nếu tổng thời lượng tiếp xúc dưới hoặc bằng 8 giờ/ngày thì được tính theo 8 giờ và T bằng 480 (tính theo phút).
- + Nếu tổng thời lượng tiếp xúc trên 8 giờ/ngày thì T là thời lượng tiếp xúc thực tế.

Có thể tiến hành đo, lấy mẫu với tổng thời lượng đo tối thiểu bằng 80% thời lượng tiếp xúc. Khi đó T là tổng thời lượng đo (tính theo phút). Trong trường hợp này, mức tiếp xúc ở khoảng thời gian còn lại sẽ được xem như tương đương với mức tiếp xúc ở khoảng thời gian đã được đo, lấy mẫu.

Ví dụ: Một (hoặc một nhóm) công nhân làm việc một ngày có 6 giờ tiếp xúc với formaldehyde, nồng độ trung bình đo được trong 6 giờ là $0,8 mg/m^3$; 2 giờ còn lại nghỉ hoặc làm việc ở vị trí khác không tiếp xúc với formaldehyde. Trường hợp này cách tính $TWAtt$ như sau:

$$TWAtt = (0,8mg/m^3 \times 6 \times 60 \text{ phút} + 0mg/m^3 \times 2 \times 60 \text{ phút}) : 480 \text{ phút} = 0,6mg/m^3$$

- Tính giá trị tiếp xúc ca làm việc khi tổng thời lượng đo nhỏ hơn tổng thời lượng tiếp xúc

Trường hợp do điều kiện lao động sản xuất hoặc yêu cầu kỹ thuật lấy mẫu, có thể lấy mẫu thời điểm để đánh giá tiếp xúc ca làm việc như sau:

Trường hợp phát sinh, phát tán gây ô nhiễm yếu tố hóa học được dự đoán là tương đối đồng đều trong cả ca làm việc thì số lượng khoảng thời gian có thể bằng 2 ($n = 2$) với độ dài của mỗi khoảng thời gian bằng nhau và bằng 1/2 tổng thời lượng tiếp xúc.

Giá trị tiếp xúc ca làm việc được tính theo công thức sau:

$$TWAtt = (C1.K1 + C2.K2 +...+ Cn.Kn) : T$$

Trong đó:

- $TWAtt$: Giá trị tiếp xúc ca làm việc thực tế (mg/m^3).
- $C1$; $C2$;...; Cn : Nồng độ trung bình (mg/m^3) trong khoảng thời gian $K1$; $K2$;...; Kn (phút).
- $K1$; $K2$;...; Kn : Các khoảng thời gian trong ca làm việc (phút). Tổng các khoảng thời gian $K1 + K2 + ... + Kn$ bằng tổng thời gian ca làm việc.



- T: Tổng thời lượng tiếp xúc (tính theo phút).

+ Nếu tổng thời lượng tiếp xúc dưới hoặc bằng 8 giờ/ngày thì được tính cho 8 giờ và T bằng 480 (tính theo phút).

+ Nếu tổng thời lượng tiếp xúc trên 8 giờ/ngày thì T là thời lượng tiếp xúc thực tế.

Tính nồng độ trung bình (C1; C2;...; Cn) trong các khoảng thời gian ca làm việc, theo công thức sau:

$$C_x = (N_1 + N_2 + \dots + N_n) : n$$

Trong đó:

- C_x: Nồng độ trung bình trong 1 khoảng thời gian ca làm việc, khoảng thời gian x (mg/m³).

- N₁; N₂;...; N_n: Nồng độ đo được tại các thời điểm thứ 1,2,...,n trong khoảng thời gian x (mg/m³).

- n: Tổng số mẫu đo ngẫu nhiên trong khoảng thời gian X. (n≥2).

Thời lượng đo của các mẫu thời điểm phải bằng nhau.

Ví dụ: Tại một phân xưởng, qua khảo sát ban đầu cho thấy sự phát tán amoniac là tương đối đồng đều trong ca làm việc 8 giờ, chia khoảng thời gian đo làm 2 (mỗi khoảng thời gian là 4 giờ). Đo ngẫu nhiên 2 thời điểm đại diện cho 4 giờ đầu được 2 giá trị là 14 mg/m³ và 13 mg/m³ và đo ngẫu nhiên 2 thời điểm đại diện cho 4 giờ sau được 2 giá trị là 17 mg/m³ và 18 mg/m³.

Cách tính TWAtt trong trường hợp này như sau:

$$TWAtt = \{[(14+13)mg/m^3 : 2] \times 4 \times 60 \text{ phút} + [(17+18)mg/m^3 : 2] \times 4 \times 60 \text{ phút}\} : 480 \text{ phút} = 15,5mg/m^3.$$

3. Quy định quản lý

- Việc quan trắc định kỳ môi trường lao động với yếu tố hóa học trong Bảng 1 của quy chuẩn này phải được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng các yêu cầu, điều kiện về năng lực quan trắc môi trường lao động theo quy định đại Nghị định

số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các quy định khác của pháp luật.

- Căn cứ vào đặc điểm và điều kiện lao động, việc phát sinh và phát tán các chất ô nhiễm tại mỗi vị trí lao động cần quan trắc để lựa chọn các thông số quan trắc phù hợp.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

- Các cơ sở có người lao động tiếp xúc với yếu tố hóa học có trong Bảng 1 của quy chuẩn này phải định kỳ quan trắc yếu tố hóa học này trong môi trường lao động, thực hiện các biện pháp kiểm soát yếu tố có hại, bảo vệ sức khỏe người lao động theo các quy định của pháp luật.

- Tổ chức thực hiện quan trắc môi trường lao động với các yếu tố hóa học chịu trách nhiệm về kết quả quan trắc, đảm bảo tính trung thực trong hoạt động quan trắc; tiến hành quan trắc theo các nguyên tắc, quy trình phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Tổ chức thực hiện

- Cục Phòng bệnh, Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan hướng dẫn, triển khai và tổ chức thực hiện quy chuẩn này.

- Trường hợp các tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong quy chuẩn này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của văn bản mới.

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại [P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat Hoa chat\Thong tu](#)



ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC VĂN BẢN ĐƯỢC NÊU TẠI MỤC II

STT	Tên văn bản QPPL/trích nội dung	Trách nhiệm tuân thủ/Hậu quả pháp lý	Ban/ĐV chủ trì cập nhật, nghiên cứu, áp dụng/tuân thủ
1	Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	- Trách nhiệm tuân thủ: Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo phải tuân thủ các quy định tại Luật này và các văn bản liên quan. - Hậu quả pháp lý: Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BKHCN năm 2022 hợp nhất Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ và/hoặc bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật liên quan.	TT ĐMST. NCPT
2	Luật số 67/2025/QH15 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	- Trách nhiệm tuân thủ: Tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến hoạt động thuế trong doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định tại Luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. - Hậu quả pháp lý: Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về hoạt động thuế, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BTC năm 2024 hợp nhất Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn và/hoặc bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật liên quan.	TCKT
3	Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán	- Trách nhiệm tuân thủ: Tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán phải cập nhật, tuân thủ các quy định này và các quy định khác có liên quan. - Hậu quả pháp lý: Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính theo Văn bản hợp nhất 09/VBHN-BTC năm 2022 hợp nhất Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và/hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan.	VP HĐQT



4	Nghị định 249/2025/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	- Trách nhiệm tuân thủ: Cơ quan nhà nước, Tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động tuyển dụng, hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải cập nhật, tuân thủ Nghị định này và các quy định khác có liên quan. - Hậu quả pháp lý: Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các thủ tục/đánh giá, chấm điểm không đúng với các tiêu chí do cơ quan nhà nước, có thẩm quyền quy định khi tư vấn, thẩm định, tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BKHCN năm 2022 hợp nhất Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ và/hoặc bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật liên quan.	TT ĐMST, NCPT
5	Thông tư 09/2025/TT-BYT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 70 yếu tố hóa học tại nơi làm việc	- Trách nhiệm tuân thủ: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động bảo quản, quản lý các yếu tố hóa học tại môi trường làm việc có trách nhiệm cập nhật, tuân thủ Thông tư này và các quy định khác có liên quan. - Hậu quả pháp lý: Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về quy chuẩn kỹ thuật cho phép đối với giới hạn tiếp xúc của các yếu tố hóa học tại nơi làm việc, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 12/2022/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và/hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan.	ATMT, QLVT, QLCL, VHSX